

Bản án số: 44/2021/DS-PT

Ngày: 16/9/2021

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Hà Nam

Các Thẩm phán: Ông Dương Văn Sơn

Bà Nguyễn Thị Vân Khánh

Thư ký phiên tòa: Ông Nông Hữu Duy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Chinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28/2021/TLPT-DS ngày 29/7/2021 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS-ST ngày 14 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng bị kháng cáo,

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 71/ 2021/QĐ-PT ngày 12 tháng 8 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 172/2021/QĐ-PT ngày 27/8/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nông Thị B; sinh năm 1950; HKTT: Tổ 03, phường S, huyện K, tỉnh C; Có mặt.

Bị đơn: 1. Đinh Thị H- sinh năm 1964

2. Triệu Văn Q - sinh năm 1960

Đều có HKTT: Tổ 03, phường S, huyện K, tỉnh C; bà H vắng mặt, ông Q có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh C

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc T – Chủ tịch.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Hà Thị Lệ U1 – Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện K; Vắng mặt có lý do.

2. Ông Đàm Đình F- sinh năm 1948; HKTT: Tổ 03, phường S, huyện K, tỉnh C; Có mặt.

3. Bà Đàm Thị Phương D; HKTT: Tổ 04, phường S, huyện K, tỉnh C; Vắng mặt, có đơn từ chối tham gia tố tụng.

4. Ông Lương Văn Đ; HKTT: Tổ 04, phường S, huyện K, tỉnh C; Vắng mặt, có đơn từ chối tham gia tố tụng.

5. Lương Thị Phương E; HKTT: Tổ 04, phường S, huyện K, tỉnh C; Vắng mặt, có đơn từ chối tham gia tố tụng.

6. Triệu Thị Tuyết G; HKTT: Tổ 03, phường T1, thành phố A1, tỉnh A1; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Bà Nông Thị I; HKTT: Tổ 02, phường S, huyện K, tỉnh C; Vắng mặt.

2. Bà Đàm Thị R; HKTT: Tổ 03, phường S, huyện K, tỉnh C; Vắng mặt.

3. Bà Hoàng Thị P; HKTT: Tổ 02, phường S, huyện K, tỉnh C; Vắng mặt.

4. Ông Bé Ích X; HKTT: Tổ 03, phường S, huyện K, tỉnh C; Vắng mặt.

5. Ông Hoàng Minh Y; HKTT: Tổ 03, phường S, huyện K, tỉnh C; Vắng mặt.

6. Bà Lô Thị M; HKTT: Tổ 03, phường S, huyện K, tỉnh C; Vắng mặt.

7. Bà Hoàng Thị N; HKTT: Tổ 03, phường S, huyện K, tỉnh C; Vắng mặt.

8. Ông Hoàng Ngọc Đ1; HKTT: Tổ 03, phường S, huyện K, tỉnh C; Vắng mặt.

9. Ông Nông Xuân T1, bà Nông Thị K; Cùng có HKTT: Làng Cốc Khoát, xã U, thị trấn V, huyện N1, tỉnh C; Vắng mặt.

10. Bà Triệu Thị M1; HKTT: Tổ 03, phường S, huyện K, tỉnh C; Vắng mặt.

11. Diệm Duy L; HKTT: Tổ 03, phường S, huyện K, tỉnh C; Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Nông Thị B

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, bà Nông Thị B trình bày:

Bà Bên và ông Dong là vợ chồng, còn vợ chồng bà H ông Q là hàng xóm, cùng tổ với vợ chồng bà Bên.

Về nguồn gốc đất thừa đất số 136, tờ bản đồ số 01: thửa đất số 136 có nguồn gốc một phần do ông Dong bà Bên nhận chuyển nhượng với ông Nông

Xuân T1 và bà Nông Thị K, một phần do bà Bên khai phá. Phần đất giáp với bà Đàm Thị R ông Vi Văn Báo, ông Bế Ích X là đất ông Tô bà Ký chuyển nhượng cho bà Bên ông Dong, còn phần bà Bên khai phá từ phần đất giáp với ông Hoàng Văn Thuộc đến phần đất giáp với bà Hoàng Thị P, ông Hoàng Minh Y. Diện tích đất bà Bên khai phá và diện tích nhận chuyển nhượng với ông Tô bà Ký cụ thể bao nhiêu bà Bên không nắm được. Thửa đất số 136 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 261738 ngày 18/11/2006, diện tích 3128m², mục đích sử dụng là: đất rừng sản xuất.

Năm 2008 ông Triệu Văn Q chôn em chú là ông Triệu Văn Hoàn trên thửa đất 136, bà Bên và ông Dong biết nhưng không có ý kiến gì; tuy nhiên, đến năm 2019 khi ông Q bà H phát ra xung quanh ngôi mộ để chiếm thêm đất thì bà Bên mới có ý kiến không đồng ý và làm đơn khởi kiện yêu cầu ông Q bà H trả lại phần diện tích lấn chiếm là 96m².

Sau khi tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, xác định phần đất bà Đinh Thị Hồng Triệu Văn Q lấn chiếm sang đất gia đình bà Bên là 150,3m² - 2,8m² (phần lấn sang đất bà Nga) – 0,2m² (phần lấn sang diện tích đất ông Thuộc xây mộ) = 147,3 m². Ngày 16/01/2021, bà Nông Thị B đã có đơn sửa đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện. Bà Bên đề nghị bà H ông Q trả lại cho gia đình bà Bên 147,3 m² và di dời ngôi mộ của ông Hoàn (em ông Q).

Về yêu cầu bồi thường cây lim đã bị chặt đi: Tại bản tự khai bà Bên ông Dong yêu cầu ông Q bà H bồi thường cây lim. Tuy nhiên, do cây Lim đã bị chặt, không còn gốc nên bà Bên rút yêu cầu bồi thường cây lim.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, ông Đàm Đình Fnhat trí với lời trình bày của bà Bên.

2. Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bà Đinh Thị H và ông Triệu Văn Q thống nhất trình bày:

Về mối quan hệ đúng như bà Bên trình bày.

Bà Đinh Thị Hvà ông Triệu Văn Q không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Bên vì cho rằng diện tích đất tranh chấp nằm trên giồng đồi, là bãi chăn thả trâu bò và là đường đi chung của người dân tổ 07, 08 cũ phường S, sau này người dân không đi trên con đường này nữa nên các hộ dân ở tổ 03 (tổ 07, 08 cũ), phường S thống nhất dùng làm khu nghĩa địa chung của tổ dân phố. Diện tích đất tranh chấp là đất chung của cả tổ dân phố chứ không phải đất khai phá của bà Bên. Bà Bên kê khai phần đất nghĩa trang vào sổ đỏ bà Bên là không đúng.

Đối với yêu cầu di dời ngôi mộ: Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bên thì ông Q có trách nhiệm di dời ngôi mộ.

Ý kiến của các hộ giáp ranh liền kề:

- *Tại Biên bản xác minh ngày 25/12/2020 và quá trình giải quyết tại Tòa án, bà Nông Thị I trình bày:* bà Oanh sinh ra và lớn lên tại tổ 06 cũ (nay là tổ 2), phường S, huyện K, tỉnh C. Bà đã nhận chuyển nhượng một phần đất rừng của bà Trần Thị Nga tại Pò Cải, phường S, huyện K từ năm 1995 nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Bà khẳng định phần đất tranh chấp nằm trên con đường đi chung của dân đi lấy củi, chăn trâu... con đường này kéo dài từ khu mộ bà H ông Q đi lên phía trên, qua mộ các gia đình: Bà Oanh, ông Thanh, ông X.

- *Tại Biên bản xác minh ngày 18/12/2020 và quá trình giải quyết tại Tòa án, bà Đàm Thị R trình bày:* Gia đình bà có thửa đất số 125, tờ bản đồ số 01 giáp ranh với thửa đất số 136 của gia đình bà Bên. Bà sinh sống và được đi trồng cây tại khu Pò Cải từ năm 1983. Lúc đó, gia đình bà có đất gần với đất của ông Tô bà Ký và cũng chỉ thấy ông Tô bà Ký trồng sắn, reo đỗ xanh, không thấy bà Bên trồng cây tại khu vực đó. Đến khi bà Ký ông Tô nhượng lại đất cho bà Bên thì vẫn chưa thấy bà Bên trồng. Năm 1997 khi nhận đất để trồng Pam thì bà mới thấy gia đình bà Bên nhận và trồng Pam.

Về con đường đi chung đúng như bà Oanh trình bày. Từ khi bà về làm dâu năm 1983, bà thường đi lấy củi qua con đường này. Sau khi mở đường sang bên cạnh, con đường đi chung trở thành khu đất trống, các hộ dân tổ 03, phường S ai có người thân chết mang lên chôn tại đây. Ai lên trước thì có chỗ trước.

- *Tại Biên bản xác minh ngày 24/12/2020 và quá trình giải quyết tại Tòa án, bà Hoàng Thị P trình bày:* bà sinh ra và lớn lên tại tổ 02, phường S, huyện K. Gia đình bà có mộ ở khu đất nghĩa trang đầu tiên (từ năm 1979 - 1980). Phần đất tranh chấp giữa bà Bên và bà H, ông Q nằm trên con đường đi chung cũ. Trước đây bà được đi lấy củi qua con đường này nên bà nắm rõ.

- *Tại Biên bản xác minh ngày 18/12/2020, bà Trần Thị Nga trình bày:* Gia đình bà sử dụng Thửa đất số 142, tờ bản đồ số 01 giáp ranh với thửa đất số 136, tờ bản đồ số 01 của gia đình bà Nông Thị B.

Về nguồn gốc thửa đất số 136: Trước đây thửa đất này do ông Tô, bà Ký sử dụng. Sau đó, ông Tô bà Ký về quê sinh sống thì bà Bên tiếp tục quản lý sử dụng cho đến nay.

- *Tại Biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 22/12/2020, ông Bé Ích X trình bày:* Gia đình ông Q, bà H chôn em chú là Triệu Văn Hoàn trên phần đất do Ủy ban quản lý (tổ 03, phường S thống nhất làm khu nghĩa trang từ thời xa xưa) có giáp ranh với phần đất của gia đình bà Nông Thị B.

- *Tại Biên bản xác minh ngày 24/12/2020, bà Lô Thị M trình bày:* Phần diện tích đất gia đình ông Q bà H chôn em chú là ông Hoàn trước đây tổ 07, tổ

08 cũ (nay là tổ 03 mới) thống nhất là chỗ chôn chung của các hộ dân của tổ và hình thành các khu mộ từ năm 1979 - 1980 đến nay.

Mộ ông Hoàn nằm cạnh con đường đi chung cũ, con đường này dốc cao nên người dân mở thêm đường bên cạnh để đi. Do mọi người ít đi lại nên thành khu đất hoang, các hộ dân trong tổ thống nhất gia đình ai có người chết thì đem lên đây chôn cất.

Ý kiến của những người sinh sống lâu năm ở tổ:

- *Tại Biên bản xác minh ngày 24/12/2020, bà Phạm Thị Hương trình bày:* Bà sinh ra (sinh năm 1957) và lớn lên tại tổ 03, phường S. Bà biết gia đình ông Q bà H chôn em chú là ông Hoàn trên con đường đi chung của dân đi lấy củi trước đây. Sau đó do đường dốc cao nên người dân đi qua đường bên cạnh. Khi dân đi qua đường bên cạnh thì con đường này trở thành bãi đất trống không ai quản lý sử dụng nên các hộ dân tại tổ 03, phường S đem người lên chôn cất tạo thành khu mộ.

- *Tại Biên bản xác minh ngày 17/3/2021, ông Nông Xuân T1 và bà Nông Thị K thống nhất trình bày:* Trước đây ông bà sinh sống tại tổ 03, phường S, huyện K. Ông bà có mảnh đất tự khai phá từ năm 1985, diện tích khoảng 300m². Năm 1992 gia đình ông chuyển vào thị trấn Trà Lĩnh sinh sống nên đã chuyển nhượng lại mảnh đất nói trên cho bà Nông Thị B, ông Đàm Đình F có diện tích từ 300 đến 350m², diện tích đất reo được 02 sừa đồ trắng. Diện tích đất trong giấy tờ chuyển nhượng do bà Bên viết là 3500m² là không đúng thực tế vì thực tế chỉ có vài trăm m².

- *Tại Biên bản xác minh ngày 19/3/2021, ông Hoàng Ngọc Đ1 Trưởng ban hội hiếu 2 tổ 3, phường S trình bày:* Phần đất tranh chấp giữa gia đình bà Bên và gia đình bà H trước đây là con đường đi chung của dân đi lấy củi. Trên con đường này có rất nhiều mộ tồn tại từ lâu đời. Năm 2008 khi gia đình bà H chôn ông Hoàn trên diện tích đất đang tranh chấp, bà Bên cũng tham gia trong hội hiếu nhưng không có ý kiến gì, đến vài năm gần đây bà Bên mới có ý kiến là chôn trên đất bà Bên.

- *Tại Biên bản xác minh ngày 19/3/2021, ông Bùi Ngọc Minh trình bày:* Khi ông Hoàn chết ông được tham gia hội hiếu, khi gia đình tổ chức chôn cất ông Hoàn ở vị trí đất tại khu Pò Cải ông không thấy ai có ý kiến phản đối. Vị trí chôn ông Hoàn nằm cạnh con đường đi chung. Con đường này hình thành từ thời xa xưa, cách đây khoảng 50 năm ông đã được đi con đường này đi lấy củi. Do con đường này là đường đi chung của tất cả mọi người nên dân tổ 07, 08 cũ (tổ 03 mới) gia đình có ai chết trước thì lên chôn trước.

- *Tại Biên bản xác minh ngày 22/3/2021, bà Triệu Thị M1 trình bày:* Vị trí ông Triệu Văn Q chôn ông Hoàn nằm trên con đường đi chung ngày xưa người dân đi lấy củi.

Tại Biên bản xác minh ngày 16/12/2020, ông Phạm Văn Sơn – tổ trưởng tổ 3, phường S, huyện K, tỉnh C cho biết: Thửa đất số 136, tờ bản đồ số 1 nằm trên địa bàn tổ 08 cũ (tổ 3 mới), phường S, huyện K, còn ông cư trú tại tổ 07 cũ (nay là tổ 03 mới) và ông nguyên là bí thư tổ 07 cũ nên nguồn gốc thửa đất số 136 ông không nắm rõ, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản xác minh ngày 16/12/2020 và ngày 15/5/2021, bà Nông Thu Hương – Công chức địa chính phường S, huyện K cho biết: Thửa đất số 136, tờ bản đồ số 1, diện tích 3128m² tại tổ 08 cũ (tổ 3 mới) phường S, huyện K theo Sổ mục kê của Bản đồ địa chính đất rừng năm 2006 tên người sử dụng là hộ bà Nông Thị B.

Về quá trình quản lý, sử dụng và phát sinh tranh chấp giữa gia đình bà Bên và gia đình bà H bà không nắm được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trên địa bàn phường S, huyện K không quy hoạch quỹ đất làm nghĩa trang, nghĩa địa nhân dân. Bản đồ địa chính đất rừng năm 2006 thể hiện thửa đất số 136 không có đường đi.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: yêu cầu ông Q bà H trả lại diện tích đất lấn chiếm là 147,3 m² cho gia đình bà Bên và buộc ông Q phải di dời ngôi mộ trên đất.

Các bị đơn không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Bên vì cho rằng vị trí bị đơn chôn ngôi mộ ông Hoàn nằm trên giồng đồi, là bãi chăn thả trâu bò chung của người dân tổ 07, 08 cũ phường S, không phải đất của gia đình bà Bên. Do đó, bị đơn không đồng ý trả lại đất cho gia đình bà Bên.

Các bị đơn và bà Triệu Thị Tuyết G (con gái ông Triệu Văn Hoàn) đều thống nhất: Trường hợp buộc phải di dời ngôi mộ ông Hoàn thì ông Q sẽ có trách nhiệm thay mặt gia đình thực hiện việc di dời ngôi mộ.

Người làm chứng có mặt phiên tòa và các bên đương sự đều khẳng định vị trí chôn ông Hoàn nằm cạnh con đường đi chung, chứ không phải nằm trên con đường đi chung như đã trình bày trước đây. Con đường đi chung này có chiều rộng khoảng 1m chạy dọc theo giồng đồi. Con đường mới hình thành từ khoảng năm 2000, nằm ở phía bên phải của con đường cũ, trước đây là đường đất,

khoảng chục năm gần đây ông Diệm Duy L cùng một số hộ dân trong tổ góp xi măng để đổ bê tông nên mới có con đường như hiện nay.

Bà Lô Thị M cho biết ngoài diện tích đất bà Bên nhận chuyển nhượng với ông Tô bà Ký, bà Bên khai phá thêm một ít đất nhưng không đến con đường đi chung ngày xưa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa đã có đơn từ chối tham gia tố tụng trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại bản án dân sự số 33/2021/DS-ST ngày 14/6/2021 và Quyết định sửa chữa bổ sung bản án số 03/2021/QĐ-SCBSBA của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26, Điều 166, Điều 100, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

- Căn cứ Nghị định 23/2016/NĐ-CP về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng;

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 4 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Đinh Thị H, ông Triệu Văn Q phải trả lại cho hộ bà Nông Thị B ông Đàm Đình F135,3m2 đất thuộc thửa đất số 136, tờ bản đồ số 01 (theo bản đồ đo đạc năm 1995) tại khu Pò Cải, tổ 03, phường S, huyện K, tỉnh C (kèm theo Sơ đồ trích đo thửa đất do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường tỉnh C đo vẽ tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/12/2020).

Hộ bà Nông Thị B ông Đàm Đình F có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại diện tích trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp phù hợp với thực tế sử dụng.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lại 12 m2 đất thuộc thửa đất số 136, tờ bản đồ số 01 (theo bản đồ đo đạc năm 1995) tại khu Pò Cải, tổ 03, phường S, huyện K, tỉnh C và di dời ngôi mộ của ông Triệu Văn Hoàn.

Bà Đinh Thị H, ông Triệu Văn Q tiếp tục được sử dụng 12m2 đất (chiều dài 4m, chiều rộng 3m tính từ tâm mộ của ông Triệu Văn H1, bao gồm cả phần đường đi lại xung quanh mộ) thuộc thửa đất số 136, tờ bản đồ số 01 (theo bản đồ đo đạc năm 1995) tại khu Pò Cải, tổ 03, phường S, huyện K, tỉnh C cho đến khi

có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai (kèm theo Sơ đồ trích đo thửa đất do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường tỉnh C đo vẽ tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/12/2020).

Hộ bà Nông Thị B ông Đàm Đình F không được cản trở gia đình ông Triệu Văn Q trong việc chăm sóc, thanh minh phần mộ theo phong tục, tập quán tại địa phương.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.670.000đ. Buộc bà Đình Thị H và ông Triệu Văn Q liên đới thanh toán cho bà Nông Thị B chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3670.000đ (ba triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 29/6/2021 nguyên đơn Nông Thị B có đơn kháng cáo không nhất trí với bản án sơ thẩm số 33/2021/DS-ST ngày 14/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh C, yêu cầu cấp phúc thẩm buộc bị đơn di dời ngôi mộ đi nơi khác vì thửa đất số 136 của bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Nông Thị B giữ nguyên đơn kháng cáo và trình bày: Tôi không nhất trí với bản án sơ thẩm về việc cho phép bị đơn để ngôi mộ trên đất của tôi, tôi đề nghị bị đơn di dời ngôi mộ đi nơi khác vì đất của tôi được cấp bìa đỏ là đất rừng sản xuất 50 năm, không phải thửa đất làm nghĩa địa của người đã khuất.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đàm Đình F – là chồng của bà Nông Thị B nhất trí với lời trình bày của bà Bên và không có ý kiến bổ sung.

Bị đơn ông Triệu Văn Q không nhất trí với yêu cầu kháng cáo của bà Nông Thị B, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Triệu Thị Tuyết G có đơn xin xét xử vắng mặt và có quan điểm nhất trí với bản án sơ thẩm, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Bà Nông Thị B, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện và tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý, xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập và giao nộp chứng cứ, thẩm định, định giá và hòa giải, trình tự và thủ tục phiên tòa sơ thẩm...Đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nộp trong thời hạn luật định, và nguyên đơn là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án, vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án cấp phúc thẩm vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự .

[3] Xét nội dung đơn kháng cáo và các căn cứ kháng cáo của nguyên đơn.

Nội dung kháng cáo: Nguyên đơn Nông Thị B có yêu cầu bị đơn di dời ngôi mộ đi nơi khác vì nguyên đơn cho rằng ngôi mộ nằm trên đất của nguyên đơn đã được cấp bìa đỏ, là đất rừng sản xuất 50 năm, không phải thửa đất làm nghĩa địa của người đã khuất.

Quá trình nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn bị đơn, người liên quan, người làm chứng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Mặc dù vị trí đất ông Q chôn người chết nằm trên đất hộ bà Bên ông Dong nhưng tại thời điểm ông Triệu Văn Q chôn cất thì bà Bên, ông Dong đều biết vì cùng hội hiếu nhưng không phản đối. Tại phiên tòa sơ thẩm ông Dong, bà Bên đều khẳng định năm 2008 khi phát hiện ông Q chôn ông H1 trên diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông bà không phản đối. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Bên ông Dong xác nhận thời điểm gia đình bị đơn chôn cất ông H1 gia đình nguyên đơn đồng ý để phía bị đơn đặt một ngôi mộ nên không khiếu nại, khởi kiện chỉ đến năm 2019 khi ông Q, bà H phát Q ra xung quanh ngôi mộ, có ý lấn chiếm thêm đất thì bà Bên mới yêu cầu ông Q bà H trả lại phần diện tích lấn chiếm. HĐXX thấy rằng tại thời điểm gia đình ông Q bà H chôn cất ông H1 gia đình bà Bên không phản đối, tại phiên tòa bà Bên xác nhận thời điểm đó và đến trước khi phát sinh tranh chấp bà đã đồng ý để ông Q, bà H đặt mộ, cấp sơ thẩm đã chấp nhận phần lớn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, mộ ông H1 được chôn cất đã 15 năm, việc di dời ngôi mộ ảnh hưởng đến vong linh người đã khuất, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc

bị đơn phải di dời ngôi mộ là có căn cứ, phù hợp với phong tục tập quán của người Việt Nam, đảm bảo cho thi hài người chết được an nghỉ, gia đình có người chết có đủ điều kiện chăm sóc mồ mả người đã khuất. Sau khi xét xử sơ thẩm nguyên đơn kháng cáo nhưng không có tài liệu bổ sung cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ để chấp nhận.

Về diện tích đất mộ: Diện tích ngôi mộ là 5m² phù hợp với quy định tại Điều 4 Nghị định 23/2016/NĐ-CP về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng do Thủ tướng Chính phủ ban hành. Tuy nhiên, diện tích 5m² này chưa có đường đi xung quanh mộ, do đó cấp sơ thẩm đã dành cho bị đơn một phần diện tích để đi lại, tổng diện tích được chấp nhận là 12 m² (chiều dài là 4m, chiều rộng là 3m, tính từ tâm mộ) là có căn cứ.

Những nội dung khác của bản án sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Về án phí: Bà Nông Thị B là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Bà Nông Thị B. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS-ST ngày 14/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 148; khoản 1 Điều 228; của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26, Điều 166, Điều 100, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

- Căn cứ Nghị định 23/2016/NĐ-CP về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng;

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 4 Điều 26, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Đinh Thị H, ông Triệu Văn Q phải trả lại cho hộ bà Nông Thị B ông Đàm Đình F135,3m² đất thuộc thửa đất số 136, tờ bản đồ số 01 (theo bản đồ đo đạc năm 1995) tại khu Pò Cải, tổ 03, phường S, huyện K, tỉnh C (kèm theo Sơ đồ trích đo

thửa đất do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường tỉnh Cao Bằng đo vẽ tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/12/2020).

Hộ bà Nông Thị B ông Đàm Đình F có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại diện tích trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp phù hợp với thực tế sử dụng.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lại 12 m² đất thuộc thửa đất số 136, tờ bản đồ số 01 (theo bản đồ đo đạc năm 1995) tại khu Pò Cải, tổ 03, phường S, huyện K, tỉnh C và di rời ngôi mộ của ông Triệu Văn H1.

Bà Đình Thị H, ông Triệu Văn Q tiếp tục được sử dụng 12m² đất (chiều dài 4m, chiều rộng 3m tính từ tâm mộ của ông Triệu Văn H1, bao gồm cả phần đường đi lại xung quanh mộ) thuộc thửa đất số 136, tờ bản đồ số 01 (theo bản đồ đo đạc năm 1995) tại khu Pò Cải, tổ 03, phường S, huyện K, tỉnh C cho đến khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai (kèm theo Sơ đồ trích đo thửa đất do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường tỉnh C đo vẽ tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/12/2020).

Hộ bà Nông Thị B ông Đàm Đình F không được cản trở gia đình ông Triệu Văn Q trong việc chăm sóc, thanh minh phần mộ theo phong tục, tập quán tại địa phương.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.670.000đ. Buộc bà Đình Thị H và ông Triệu Văn Q liên đới thanh toán cho bà Nông Thị B chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.670.000đ (ba triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, nếu bị đơn không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Buộc bà Đình Thị H và ông Triệu Văn Q liên đới chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước.

Bà Nông Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà Nông Thị B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0000498 ngày 22 tháng 07 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Bà Nông Thị B là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho bà Bên số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2018/0001096 ngày 08/7/2021 tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm công khai có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- CCTHADS thành phố CB;
- TAND thành phố CB;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Hà Nam

